TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ CỪ** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2024/QĐST-HNGĐ	*Phù Cừ, ngày 10 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào các điều 212, 213; khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 90/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Bùi Đăng T**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ1, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

2. Chị **Đoàn Thị M**, sinh năm 1989;

Nơi đăng ký HKTT: thôn Đ, xã Đ1, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Địa chỉ: thôn Đ2, xã Đ1, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Đăng T và chị Đoàn Thị M kết hôn vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ1, huyện P, tỉnh Hưng Yên vào ngày 05/3/2010 theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị M là hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được hơn 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh, chị có thời gian tìm hiểu quá ngắn, hai bên chưa hiểu hết tính cách của nhau, nên về sống chung thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong sinh hoạt hàng ngày. Vợ chồng thường xảy ra cãi vã to tiếng với nhau, tình cảm vợ chồng không còn hòa hợp được, cuộc sống không có hạnh phúc vì không tìm được tiếng nói chung. Anh T và chị M đã sống ly thân nhau từ tháng 04/2023 cho đến nay mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm và có trách nhiệm gì với

nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh T và chị M đều thống nhất thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận. Xét đây là sự tự nguyện của anh T, chị M nên cần được chấp nhận.

[2]. Về con chung: anh Bùi Đăng T và chị Đoàn Thị M đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung là: cháu Bùi Đăng K, sinh ngày 14/12/2010 và cháu Bùi Trà M1, sinh ngày 29/10/2014. Nay ly hôn, vợ chồng thỏa thuận theo nguyện vọng của các con chung: giao con chung Bùi Đăng K cho anh Bùi Đăng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu K đủ 18 tuổi; giao con chung Bùi Trà M1 cho chị Đoàn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi. Anh Bùi Đăng T và chị Đoàn Thị M không ai phải cấp dưỡng nuôi các con chung cho nhau và đều có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

[3]. Về phần tài sản chung: anh Bùi Đăng T và chị Đoàn Thị M đều xác định vợ chồng không có gì và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về lệ phí Tòa án: anh Bùi Đăng T và chị Đoàn Thị M thống nhất thỏa thuận: anh T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Xét đây là sự thỏa thuận của các bên đương sự nên cần được chấp nhận.

[5]. Ngày 02/01/2024, Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng không thành. Anh T và chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu thuận tình ly hôn và thỏa thuận giải quyết toàn bộ việc dân sự.

[6]. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 02/01/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo được xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Đăng T và chị Đoàn Thị M tự nguyện thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh Bùi Đăng T và chị Đoàn Thị M có 02 con chung là: cháu Bùi Đăng K, sinh ngày 14/12/2010 và cháu Bùi Trà M1, sinh ngày 29/10/2014. Nay ly hôn, anh T và chị M thỏa thuận theo nguyện vọng của các con như sau: giao con chung Bùi Đăng K cho anh Bùi Đăng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu K đủ 18 tuổi; giao con chung Bùi Trà M1 cho chị Đoàn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi. Anh Bùi Đăng T và chị Đoàn Thị M không ai phải cấp dưỡng

nuôi các con chung cho nhau và đều có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: anh Bùi Đăng T và chị Đoàn Thị M đều xác định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Bùi Đăng T và chị Đoàn Thị M thỏa thuận: anh T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào khoản tiền anh T đã nộp tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000623 ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Anh Bùi Đăng T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Phù Cừ;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Phù Cừ;
- UBND xã Đ1;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Đình Hiền